

ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGOẠI NGỮ CHẤT LƯỢNG CAO THEO NHU CẦU KINH TẾ XÃ HỘI

Th.s Hà Văn Sinh
Trường CĐSP Nha Trang

Có thể có nhiều cách nhìn khác nhau về công tác đào tạo cử nhân ngoại ngữ (CNNN) chất lượng cao. Tuy nhiên, nếu nhìn vấn đề dưới góc độ đáp ứng mục tiêu kinh tế xã hội hiện nay, có thể nói rằng đào tạo cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao là đào tạo ra những con người có thể thực hiện ngay được những công việc hiện nay xã hội đang cần và CNNN vừa tốt nghiệp không phải mất thêm nhiều thời gian tiếp tục tự tìm tòi học hỏi thêm những điều có vẻ như hoàn toàn quá mới mẻ đối với họ. Muốn vậy, công tác đào tạo CNNN chất lượng cao phải gắn liền với quá trình thực hành ngoài xã hội và phải đón đầu trước được những nhu cầu mà xã hội đang phát triển đặt ra. Bài viết này nêu lên một số ý kiến liên quan đến nhu cầu kinh tế xã hội hiện nay mà nhà trường và sinh viên ngoại ngữ cần biết để gắn liền chương trình đào tạo với việc đáp ứng những nhu cầu đó, việc xây dựng chương trình đào tạo theo hướng hỗ trợ sinh viên phát huy hết kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ hiện có để đáp ứng được những nhu cầu này.

Sự bùng nổ của thị trường tiếng Anh gần đây tại TP HCM và Hà Nội cho thấy các cơ hội làm việc tại những cơ sở đào tạo tiếng Anh phục vụ mục tiêu du học, các công ty liên doanh hoặc nước ngoài, các dự án quốc gia và quốc tế đang gia tăng mạnh. Các cơ sở đào tạo của Hội đồng Anh, IDP, Anh văn Hội Việt-Mỹ, Học viện Ngôn ngữ Quốc tế ILA là những nơi đang thu hút một số lượng lớn người học với những chương trình học do các trường đại học hoặc tổ chức đào tạo nước ngoài cấp chứng chỉ/văn bằng. Bên cạnh đội ngũ giáo viên Anh, Australia, Mỹ, New Zealand, các cơ sở đào tạo này cũng như nhiều dự án quốc tế đang cần đến một đội ngũ giáo viên có trình độ và kinh nghiệm trong cả hai lĩnh vực giảng dạy và quản lý các chương trình đào tạo tiếng Anh.

Thực tế xã hội hiện nay cho thấy CNNN, sau khi tốt nghiệp, không phải chỉ tham gia vào công tác giảng dạy và quản lý giảng dạy. Nhu cầu dạy ngoại ngữ hiện nay (đặc biệt là tiếng Anh) ở các thành phố hầu như không còn hoặc còn rất thấp. Vì vậy, một CNNN sau khi tốt nghiệp có thể vừa phải giảng dạy vừa làm các “nghề ngoại ngữ” khác như biên-phiên dịch, biên tập viên hoặc phát thanh viên truyền thanh/truyền hình, hướng dẫn viên du lịch, trợ lý đào tạo doanh nghiệp cho các công ty nước ngoài, v.v. Rõ ràng, bên cạnh lĩnh vực giảng dạy và quản lý giảng dạy, nhu cầu sử dụng CNNN không phải biết ngoại ngữ mà biết sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn cũng rất lớn. Những môi trường sử dụng ngoại ngữ ngoài nhà trường hiện nay thực chất lại là những cơ hội giúp CNNN tiếp tục phát

triển và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ và để bản thân người CNNN có thể trở thành một “nguồn ngôn ngữ sống” tự nhiên và sinh động trong những lớp học ngoại ngữ góp phần thúc đẩy việc thực hiện mục tiêu giảng dạy ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp (Schulz 1991). Tuy nhiên, không ít doanh nghiệp và tổ chức đã bày tỏ sự thất vọng khi phải tiếp nhận những CNNN tốt nghiệp loại giỏi nhưng không thể bắt tay ngay vào công việc mà lại phải được tiếp tục đào tạo để có thể sử dụng ngoại ngữ trong công việc được giao.

Nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài đòi hỏi gì ở một sinh viên ngoại ngữ? Trong số 250 quảng cáo tìm giáo viên ngoại ngữ trên mạng từ tháng 9/2001 đến tháng 9/2002 có đến 62.8% yêu cầu bằng cử nhân hoặc cao hơn; trong số 100 vị trí giáo viên dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ hai ở Mỹ và Canada đã có đến 87% yêu cầu phải có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ chuyên ngành giảng dạy/đào tạo tiếng Anh hoặc một ngành liên quan (Tanner, 2003). Như vậy bằng cấp hoặc chứng chỉ cao là một yêu cầu trước tiên sinh viên phải đạt được. Xây dựng cho sinh viên một định hướng tiếp tục học cao hơn đòi hỏi nhà trường không những có một chương trình học tạo nền tảng cho việc học tiếp cho sinh viên mà còn phải có các sinh hoạt tạo ý thức vươn lên trong học tập và đạt được văn bằng, chứng chỉ cao hơn.

Chương trình đào tạo hiện nay chưa chú trọng lắm đến tính thực tiễn và kết nối. Xin đơn cử một ví dụ về môn Viết trong các trường đại học/cao đẳng hiện nay. Thông thường chương trình được xây dựng từ viết câu đến viết luận với trọng tâm rèn luyện tính chính xác về mặt ngữ pháp hơn là tính thích hợp về mặt giao tiếp. Không ít hồ sơ xin việc trong đó bản lý lịch công việc (curriculum vitae) và đơn xin việc (application letter) bằng ngoại ngữ đã không bộc lộ được ý định xin việc và khả năng nghề nghiệp đối với vị trí mà sinh viên muốn ứng thí. Hoặc nhiều trường hợp cũng cho thấy đa số sinh viên chuyển tiếp sang học chương trình sau đại học đã phải vất vả như thế nào với những bài luận văn từ 1500 từ trở lên. Nhiều sinh viên được nhận vào các công ty liên doanh hoặc nước ngoài đã phải đổ xô đi tìm các khóa học Viết để “có thể viết được các báo cáo hoặc thư từ giao dịch mà công ty giao cho”. Kỹ năng dịch thuật các loại văn bản thực tế và kỹ năng phát thanh (đọc to) các văn bản đa dạng cũng là một thiếu sót trong chương trình đào tạo CNNN của một số trường hiện nay. Sự cứng nhắc trong việc thực hiện “chương trình khung” đã không chuẩn bị tốt cho một CNNN bước vào cuộc sống nghề nghiệp hiện nay.

Viết lý lịch công việc cũng là một kỹ năng cần chuẩn bị cho sinh viên trước khi đưa sinh viên thâm nhập vào nhu cầu kinh tế và tri thức của xã hội. Không ít CNNN đã gặp thất bại trong quá trình tìm việc ngay từ khâu xét tuyển hồ sơ xin việc. Phải giúp sinh viên hiểu rằng lý lịch công việc là một loại hồ sơ cần được thường xuyên cập nhật và hiệu chỉnh cho phù hợp với vị trí công việc mà họ đang tìm kiếm. Độ dài của lý lịch công việc, mục tiêu chính xác, thông tin về quá trình đào tạo, kinh nghiệm làm việc, khen thưởng và các kỹ năng trình độ chuyên môn cụ thể và đặc biệt là những lỗi chính tả, ngữ pháp, phép chấm câu là những chi tiết

phải hết sức cẩn trọng và người sinh viên cần được giúp đỡ trong quá trình đào tạo tại trường. Một số vị trí công việc yêu cầu lý lịch chi tiết về kiến thức có được trong quá trình đào tạo, công việc đã kinh qua, thành tích, những bài viết đã được đăng tải hoặc quá trình tham gia các hiệp hội chuyên ngành. Nhiều cơ sở giảng dạy lớn còn yêu cầu hồ sơ chuyên môn của người xin việc để họ có cái nhìn chi tiết hơn về các kỹ năng, những thành tựu và cống hiến về mặt chuyên môn của một CNNN. Hồ sơ chuyên môn gồm có thư xin việc, lý lịch công việc, bản ghi các nguyên tắc làm việc cá nhân, giáo án mẫu hoặc các phần mềm, tư liệu mà CNNN đã xây dựng được, bản đánh giá năng lực giảng dạy, thư giới thiệu, giấy khen thưởng, văn bằng chứng chỉ và một cuốn băng ghi hình minh họa khả năng giảng dạy. Trong thời đại Internet hiện nay, có CNNN đã xây dựng trang Web riêng của mình để những cơ sở trong và ngoài nước tiếp cận, đánh giá và chọn lựa.

Nhu cầu xã hội hiện nay đòi hỏi ngoài khả năng sử dụng ngoại ngữ thuần thục trong công tác giảng dạy hoặc giao tiếp, CNNN cần phải có kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho việc dạy và học ngoại ngữ như phòng thính thị, phòng phương tiện đa chức năng, sử dụng mạng, máy quay kỹ thuật số. Sự thành thạo các kỹ năng này sẽ giúp CNNN nhanh chóng tiếp cận được công việc và chủ động đóng góp vào công việc ngay từ đầu. Khả năng sử dụng thêm một ngoại ngữ khác cũng sẽ tạo cho sinh viên có ưu thế trong cuộc cạnh tranh vào các vị trí công việc ở các khu vực khác nhau.

Như vậy, một CNNN chất lượng cao - theo góc độ nhu cầu kinh tế xã hội - cần có những yếu tố sau:

1. Có ý thức và năng lực tiếp tục học cao hơn trình độ cử nhân hiện đang theo.
2. Có hiểu biết về những kỹ năng mà xã hội đang yêu cầu và có thể thực hành ngay trong quá trình được đào tạo.
3. Có hiểu biết về các yêu cầu tuyển dụng ngoài xã hội và có đủ tự tin, khả năng chứng tỏ năng lực và kinh nghiệm của mình.
4. Giỏi ngoại ngữ chính và biết thêm một ngoại ngữ khác, cũng như thành thạo trong sử dụng các phương tiện giao tiếp kỹ thuật cao.

Để có thể đạt được những yêu cầu trên, bản thân sinh viên vừa phải có hiểu biết vừa phải có sức phấn đấu vươn lên đạt được những mục tiêu đào tạo mới mà nhà trường đề ra. Nhà trường cũng xây dựng cho được một chương trình đào tạo gắn với thực hành ngoài xã hội. Bên cạnh khả năng giảng dạy ban đầu, mục tiêu đặt ra cho CNNN là khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong công việc chuyên môn mà xã hội cần; không phải là giỏi ngoại ngữ và biết ngoại ngữ chỉ như một ngôn ngữ. Nhà trường cũng cần đào tạo ra những cử nhân có nghề ngoại ngữ. Những công việc chuyên môn mà xã hội đang cần có thể là giảng dạy ngoại ngữ và những công việc khác như đã đề cập. Việc xây dựng một chương trình đào tạo gắn với thực hành ngoài xã hội đòi hỏi nhà trường phải có mối liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục và xã hội; hoặc ít ra nhà trường cũng phải có một bộ phận cung cấp đầy đủ những thông tin giúp cho sinh viên tự liên hệ và thực hành trong quá

trình đào tạo. Đa số các chương trình đào tạo sinh viên đại học ở nước ngoài hiện nay đều theo xu hướng gắn với thực hành ngoài xã hội qua phương cách học một học kỳ trong trường đi đôi với một học kỳ thực tập bên ngoài. Hiện nay chương trình đào tạo của các trường sư phạm ngoại ngữ đều có bộ môn phương pháp giảng dạy, kết hợp lý thuyết thực hành và kiến tập-giảng tập tại trường phổ thông. Đây là một hình thức dạy nghề sư phạm ngoại ngữ. Nếu chấp nhận trong thực tế xã hội hiện nay một CNNN không chỉ biết giảng dạy tốt mà còn biết sử dụng ngoại ngữ trong nhiều lĩnh vực khác và phải được thường xuyên sử dụng ngoại ngữ trong nhiều lĩnh vực khác để làm giàu cho ngoại ngữ họ đang giảng dạy, thì việc đào tạo CNNN sao lại không phải là công việc đào tạo “nghề ngoại ngữ”?

Xây dựng được một chương trình đào tạo kết hợp thực hành ngoài xã hội hiện nay ở Việt Nam là một điều không dễ thực hiện. Đa số các trường đại học và cao đẳng đều không có mối liên kết với các cơ sở tổ chức kinh tế bên ngoài và vì vậy không thể đảm bảo tính đồng bộ trong việc thực hiện mục tiêu thực hành ngoài xã hội. Do đó, để có thể khắc phục nhược điểm này, nhà trường phải nhanh chóng có sự điều nghiên nhu cầu kinh tế xã hội của địa phương và khu vực, tạo mối liên kết sao cho sinh viên có cơ hội thực hành và các cơ sở kinh tế xã hội có được một nguồn nhân lực ổn định với chi phí thấp. Mặt khác, chương trình đào tạo tất nhiên phải xây dựng trên cơ sở đảm bảo sinh viên phải có trình độ sử dụng ngoại ngữ cao, có hiểu biết sâu về các vấn đề văn hóa xã hội của các nước sử dụng ngoại ngữ đó và hiểu biết về các lĩnh vực nghề nghiệp có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ. Phương tiện giảng dạy hiện đại đa phương tiện cũng phải được nhà trường đầu tư thích đáng. Có lẽ cái khác biệt giữa đào tạo cử nhân ngoại ngữ và cử nhân ngoại ngữ chất lượng cao là ở khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong các công việc mà xã hội đang cần ngay trong quá trình CNNN đang còn trong quá trình đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tanner, M.W.** (2003). Tips for Facilitating Full-Time Employment in TESOL. *TESOL Journal*, Vol. 12/2, Summer 2003, pp. 40-42.
2. **Schulz, R.A.** (1991). Second language acquisition theories and teaching practice: How do they fit? *Modern Language Journal*, Vol. 75, No. 1, Spring 1991 (pp. 17-26).